TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 22 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 304/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2017;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Quang N, sinh năm 1957

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Chị Thạch Thị P, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Thạch Thị P có nghĩa vụ trả ông Lâm Quang N số tiền vốn và lãi 1.040.000.000đ *(một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày ông Lâm Quang N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Thạch Thị P chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Quang N nộp 10.800.000đ *(mười triệu tám trăm ngàn đồng),* nhưng ông N là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên miễn toàn bộ cho ông N theo quy

định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Thạch Thị P nộp 10.800.000đ *(mười triệu tám trăm ngàn đồng),* nhưng chị P là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn miễn án phí nên miễn toàn bộ cho chị P theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hồ Hoàng Phong